

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/DS-PT

Ngày 12 - 01 - 2022

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại về tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 96/2021/TLPT-DS ngày 19/10/2021 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Phước T, sinh năm 1963, (có mặt)

1.2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H: Ông Lê Phước T, sinh năm 1963, (theo giấy ủy quyền ngày 30 tháng 9 năm 2018).

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1944, (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950, (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn: Ông Châu Phi Đô và ông Huỳnh Văn Vàng, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Tống Văn N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V; địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 và văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2021), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ trụ sở: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ký Trọng M, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, (theo văn bản ủy quyền số 12 ngày 23 tháng 6 năm 2021), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Văn B, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2018 và lời khai của đồng nguyên đơn ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H thống nhất trình bày như sau: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Lê Văn T1 và cụ Nhan Thị C, là cha mẹ của ông T tạo lập, do ông sống chung với cha mẹ nên sau khi cha mẹ chết thì ông tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất của cha mẹ chết để lại. Năm 1993, ông kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2001 ông làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T209689 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 10/8/2001 phần đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có tổng diện tích 11.560m², tại các thửa 828 diện tích 8.430m², thửa 85-1 diện tích 300m² và thửa 85-2 diện tích 2.830m², tại các tờ bản đồ số 08 và 09. Từ năm 2009, giữa ông và vợ chồng ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị X phát sinh tranh chấp, ông B và bà X cấm trệt đá lấn chiếm phần đất của ông. Nay vợ chồng ông yêu cầu ông B và bà X trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 972.2m² tại thửa 85, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, vợ chồng ông còn yêu cầu ông B, bà X bồi thường thiệt hại về tài sản do ông B, bà X đã phá hoại cá và chặt cây trên phần đất tranh chấp bằng tổng số tiền 20.000.000đ và yêu cầu ông Phan Văn T là con của ông B, bà X bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng do ông T chặt cây trên đất tranh chấp.

Ngày 11/7/2019, ông T có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi ông Phan Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng, do ông không biết ông T hiện ở đâu. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xin rút yêu cầu khởi kiện đòi ông B, bà X cầu bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng.

Đồng bị đơn là ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X thống nhất trình bày: Phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 972.2m² và phần đất vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của mẹ ruột bà X tên Lê Thị Đ cho vợ chồng ông B và bà X sử dụng vào khoảng năm 1969, hiện trạng đất lúc được cho là đất vườn tạp, khi bà Đ cho đất chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, vợ chồng ông bà sử dụng trồng cây để lấy củi. Năm 2001, vợ chồng ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.890m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 10/8/2001. Nay ông bà xác định phần đất tranh chấp ông bà quản lý, sử dụng từ năm 1969 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H và cũng không đồng ý bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B, bà X có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên đối với diện tích phần đất tranh chấp 972.2m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 209689 tại thửa 85 tờ bản đồ số 9 cho ông hộ Lê Phước T đúng quy định của pháp luật. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Phước T không đo đạc thực tế mà cấp theo trích lục bản đồ địa chính thành lập năm 1997. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì Ủy ban nhân dân huyện V không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày: Qua đối chiếu hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng, ông T và ông B đều có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V để vay tiền. Tuy nhiên, diện tích phần đất tranh chấp nhỏ, không ảnh hưởng nhiều đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng, nên Ngân hàng chưa yêu cầu xử lý tiền vay, tài sản thế chấp trong vụ án này, nếu có tranh chấp về số tiền vay và tài sản thế chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H đối với ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X.

2. Buộc ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm di dời tài sản là 02 (hai) trụ đá trên phần đất tranh chấp ở cạnh hướng Tây Bắc để trả lại cho ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H phần đất diện tích đất 972.2m², thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 209689 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 10/8/2001 cho hộ ông Lê Phước T, (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

3. Giao cho ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng 03 cây dừa nhỏ và 01 cây me nhỏ trồng trên phần đất diện tích đất 972,2m².

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H đòi ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và yêu cầu ông Phan Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/7/2021 đồng bị đơn ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H đòi phần đất diện tích 972,2m².

Phát biểu của các Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X trình bày: Nguồn gốc đất của cha mẹ ông T là ông T1, bà C cho ông T, khi cho đất ông T1, bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không xác định được đất của ông T1, bà C đến đâu và cho ông T đến đâu, trong khi phần đất của ông T1, bà C giáp ranh với phần đất của ông B, bà X. Tại Công văn số 84/BC-TNMT ngày 26/3/2021 xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T tại thửa 85 không đo đạc thực tế mà cấp theo trích lục bản đồ địa chính; khi xem xét thẩm định, định giá phần đất tranh chấp ông B, bà X không tham gia nhưng biên bản ghi có mặt và có trình bày ý kiến, quá trình tố tụng không ghi lời khai ông B là vi phạm thủ tục tố tụng; lời khai và đơn khởi kiện ông T xác định phần đất tranh chấp do ông đang quản lý, nhưng ông T lại đi kiện đòi ông B trả đất là chưa đúng; ông T xác định ông B trồng cây trên phần đất tranh chấp do ông đang quản lý thì ông T chỉ có quyền khởi kiện yêu cầu ông B di dời các cây trồng trên đất, còn ông B là người đi kiện tranh chấp đất thì mới đúng quan hệ tranh chấp. Do cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để xét xử lại theo quy định pháp luật.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của ông Lê Phước T, bà Huỳnh Thị H và ông T, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H buộc ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X giao trả phần đất tranh chấp là có căn cứ. Đối với các cây dừa và cây me do ông B, bà X trồng, nhưng cấp sơ thẩm công nhận cho ông T mà không buộc ông T hoàn trả giá trị cây trồng là chưa đảm bảo quyền lợi của ông B, bà X.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo hướng buộc ông T, bà H hoàn trả giá trị các cây dừa và cây me cho ông B, bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, nên đây là vụ án tranh chấp về đất đai và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp về đất đai và phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V và Ngân hàng N, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X giao trả phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 972,2m², chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T209689 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 10/8/2001 cho hộ ông Lê Phước T với tổng diện tích 11.560m², tại các thửa 828 diện tích 8.430m², tờ bản đồ số 8, thửa 85-1 diện tích 300m² và thửa 85-2 diện tích 2.830m², tờ bản đồ số 09 và lời khai của những người làm chứng. Chứng cứ do ông B, bà X cung cấp để chứng minh phần đất tranh chấp của ông B, bà X là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên, ngoài ra ông B bà X không còn chứng cứ nào khác để chứng minh.

[2.1] Theo ông T xác định, phần đất ông đang quản lý sử dụng cũng như phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ là ông Lê Văn T1 và bà Nhan Thị C cho từ trước năm 1975, ông sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, đến năm 2001 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn nguyên hiện trạng và diện tích, còn theo ông B, bà X cho rằng phần đất ông, bà đang quản lý sử dụng và phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Lê Thị Đ là mẹ ruột của bà, năm 1962 bà Đ cho em ruột là ông Lê Văn T1 cha của ông Lê Phước T mượn để đào đất đắp nền nhà và làm ao nuôi cá, đến năm 1969 bà Đ cho vợ chồng bà phần đất của bà Đ kể cả phần đất cho ông T1 mượn, vợ chồng bà sử dụng ổn định đến năm 2001 kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và mảnh trích đo địa chính thửa đất tranh chấp thì phần đất tranh chấp theo các bên xác định có diện tích 972.2m², vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc giáp phần đất không tranh chấp của ông Phan Văn B đang quản lý, sử dụng có số đo 32,73m.

- Cạnh hướng Đông Nam giáp phần đất không tranh chấp của ông Phan Văn B đang quản lý, sử dụng có số đo 28,41m.

- Cạnh hướng Tây Bắc giáp phần đất không tranh chấp của ông Lê Phước T đang quản lý, sử dụng số đo 31,36m.

- Cạnh hướng Tây Nam giáp rạch (kênh) N có số đo 32,41m.

[2.3] Hiện trạng trên phần đất tranh chấp ông T có trồng 04 cây me loại A, 01 cây dừa loại A, 01 cây bàng loại A, 03 cây gòn loại A và 06 cây bạch đàn; ông B và bà X có trồng 03 cây dừa nhỏ, 01 cây me nhỏ và ông B, bà X có cặm hai cây trụ đá nằm trên cạnh hướng Tây Bắc.

[3] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp, theo ông T xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Lê Văn T1 cho ông từ năm 1975, ông sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn bà X xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Lê Thị Đ, năm 1962 bà Đ cho em ruột là ông Lê Văn T1 mượn phần đất hiện đang tranh chấp để ông T1 đào đất đắp nền nhà và làm ao nuôi cá, đến năm 1969 bà Đ cho vợ chồng bà phần đất của bà Đ và phần đất cho ông T1 mượn, vợ chồng bà sử dụng đến năm 2001 kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông B, bà X không đưa ra được chứng cứ cụ thể nào để chứng minh bà Đ cho ông T1 mượn phần đất cũng như bà Đ cho vợ chồng bà X phần đất hiện đang tranh chấp. Theo Công văn số 261/TNMT ngày 24/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V thể hiện, phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 09, đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Phước T ngày 10/8/2001. Do đó, không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp ông B, bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.1] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01919 QSDĐ/82/99/QĐUB do hộ ông Phan Văn B đứng tên được cấp vào ngày 10/8/2001, thể hiện phần đất ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 8.890m² tại các thửa 112, 114 cùng tờ bản đồ số 09, thửa 1003 tờ bản đồ số 02. Thấy rằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đại diện hộ đứng tên được cấp cùng thời điểm với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đại diện hộ đứng tên. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, ông B, bà X không có khiếu nại gì đối với phần đất, diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

[3.2] Xét lời khai của những người làm chứng. Tại các biên bản xác minh ông Hồ Văn M là em ruột bà X, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Th đều xác định khi ông T1 còn sống thì vợ chồng ông T1 sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp để chặt cây lấy củi và thu hoạch cá dưới ao, sau khi ông T1 chết thì ông T quản lý, sử dụng, trong thời gian ông T sử dụng đất có cho ông H mượn đất cất nhà ở, khi ông H dỡ nhà đi trả lại đất cho ông T, hiện nay ông H đã chết. Do đó, có căn cứ để xác định cha ông T là ông T1 đã sử dụng phần đất tranh chấp từ trước năm 1975 và sau khi ông T1 chết, ông T tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp.

[4] Xét kháng cáo của ông B, bà X, Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích, phần đất tranh chấp là của ông T, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục theo quy định, quá trình sử dụng bị ông B bà X cạm trù đá lấn chiếm. Do đó, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H, buộc ông B, bà X cùng có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 972.2m² là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B, bà X, giữ nguyên phần này Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét hiện trạng trên phần đất tranh chấp các bên xác định ông B, bà X có trồng 03 cây dừa nhỏ, 01 cây me nhỏ và ông B, bà X có cạm hai cây trụi đá trên cạnh hướng Tây Bắc. Tuy nhiên, do các cây trồng không thể bứng đi nơi khác được, cấp sơ thẩm công nhận các cây trồng cho ông T, bà H nhưng không xem xét buộc ông T, bà H hoàn trả giá trị các cây cho ông B, bà X là chưa bảo đảm quyền lợi của ông B, bà X. Căn cứ biên bản định giá ngày 15/12/2021, Hội đồng định giá xác định 03 cây dừa nhỏ loại C có giá mỗi cây 310.000đ x 03 cây = 930.000đ, 01 cây me nhỏ có giá 150.000đ, nên buộc ông T, bà H cùng có trách nhiệm hoàn trả giá trị các cây cho ông Phan văn B, bà Nguyễn Thị X là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng, cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ thông báo, giấy mời, giấy triệu tập cho ông B, bà X tham gia tố tụng và tham gia xem xét thẩm định, định giá tài sản nhưng ông B không hợp tác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ông B, bà X có chứng kiến và trình bày ý kiến nhưng khi ký tên biên bản thì ông bà không ký tên vào biên bản, nên cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng về việc thu thập chứng cứ. Về nguồn gốc đất tranh chấp, trong quá trình tố tụng cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ do các bên cung cấp, ông B, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông bà, trong khi cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp ông T, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của trợ giúp viên đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về chi phí định giá và án phí dân sự phúc thẩm:

[9.1] Về chi phí xem xét định giá tài sản cấp phúc thẩm là 550.000đ ông B, bà X phải chịu toàn bộ, ông T đã dự nộp 550.000đ, buộc ông B, bà X có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T số tiền 550.000đ, (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

[9.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DSST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, 176 và Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H đối với ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X.

2. Buộc ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H phần đất diện tích 972.2m², thuộc một phần thửa số 85, tờ bản đồ số 9, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 209689 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 10/8/2001 cho hộ ông Lê Phước T đứng tên, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc giáp phần đất không tranh chấp của ông Phan Văn B đang quản lý, sử dụng có số đo 32,73m.

- Cạnh hướng Đông Nam giáp phần đất không tranh chấp của ông Phan Văn B đang quản lý, sử dụng có số đo 28,41m.

- Cạnh hướng Tây Bắc giáp phần đất không tranh chấp của ông Lê Phước T đang quản lý, sử dụng có số đo 31,36m.

- Cạnh hướng Tây Nam giáp rạch (kênh) Ngọc Được có số đo 32,41m.

Mảnh trích đo địa chính phần đất tranh chấp được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời Bản án.

3. Buộc ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm di dời 02 (hai) trụ đá cắm trên đất tranh chấp cạnh hướng Tây Bắc.

4. Công nhận cho ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu 03 cây dừa nhỏ và 01 cây me nhỏ do ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X trồng trên phần đất diện tích đất 972.2m².

5. Buộc ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H cùng có trách nhiệm hoàn trả giá trị 03 cây dừa và 01 cây me cho ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X bằng tổng số tiền 1.080.000đ (Một triệu không trăm tám mươi ngàn đồng).

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T và bà Huỳnh Thị H đòi ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X bồi thường thiệt hại số

tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đòi ông Phan Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá và án phí dân sự phúc thẩm:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phước T không phải chịu, ông Lê Phước T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.550.000 đồng (Một triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0013504 ngày 22/4/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ. Ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X được miễn nộp toàn bộ.

7.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cấp sơ thẩm là 6.041.040 đồng, cấp phúc thẩm 550.000đ, tổng số tiền là 6.591.040đ (Sáu triệu năm trăm chín mươi một ngàn không trăm bốn mươi đồng), ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ. Buộc ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Lê Phước T số tiền 6.591.040đ (Sáu triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, không trăm bốn mươi đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

7.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X được miễn nộp toàn bộ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn